

ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN THU NHẬP NỘI SINH CỦA HỘ GIA ĐÌNH THUỘC KHU VỰC NÔNG THÔN TẠI MỘT SỐ TỈNH BẮC TRUNG BỘ

Mai Ngọc Anh*, Hồ Đức Phúc**, Nguyễn Hoài Nam***

Ngày nhận: 25/9/2014

Ngày nhận bản sửa: 22/10/2014

Ngày duyệt đăng: 4/11/2014

Tóm tắt:

Trên cơ sở nghiên cứu các công trình đã công bố trong nước và quốc tế, nhóm tác giả đã xây dựng khung nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập nội sinh của hộ gia đình sống ở khu vực nông thôn Việt Nam. Sử dụng phương pháp hồi quy, nhóm nghiên cứu đã làm rõ được sự khác biệt của các nhóm yếu tố (trình độ, số lao động, tín dụng, ngành nghề) đến thu nhập nội sinh của hộ gia đình trong khu vực nông thôn. Những khuyến nghị nhằm nâng cao thu nhập của hộ gia đình nông thôn đều bắt nguồn từ kết quả điều tra và gợi mở những ý tưởng để chính quyền địa phương các tỉnh thuộc khu vực này tham khảo từ đó đưa ra các biện pháp chính sách nâng cao thu nhập nội sinh của người dân nông thôn trên địa bàn trong những năm sắp tới.

Từ khóa: thu nhập nội sinh, trình độ, số lao động, ngành nghề, tín dụng

Factors affecting the endogenous incomes of rural households in some North Central provinces of Vietnam

Abstract:

Based on literature review, this paper has developed the research framework and identified the factors affecting the endogenous incomes of rural households in Vietnam. Using regression methods, this paper clarifies the different effects of the group factors (education, labour, credit, and job) on endogenous incomes of rural households. Recommendations to improve the incomes for rural households are derived from the survey results. Some implications for the local governments are provided to raise the endogenous incomes of rural residents in the coming years.

Keywords: endogenous incomes, education, labour, credit, job

1. Đặt vấn đề

Thời gian vừa qua, chính quyền địa phương tại 3 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh đã triển khai nhiều biện pháp, chính sách (cả trung ương và địa phương) nhằm tác động đến việc làm, từ đó thúc đẩy tăng thu nhập cho người dân nông thôn- khu vực chiếm trên dưới 85% của từng tỉnh. Có thể kể đến những chính sách được ban hành bởi Ban chấp hành Trung ương khóa X (2008), Thủ tướng Chính phủ (2008), Thủ tướng chính phủ (2009), Thủ tướng

chính phủ (2010), Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An (2010), Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa (2010); Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2010)... Những chính sách này tập trung vào hỗ trợ lao động tham gia thị trường lao động, hỗ trợ tín dụng, thúc đẩy ứng dụng công nghệ vào sản xuất, cũng như khuyến khích sự phát triển của các ngành nghề trong khu vực nông thôn... Tuy nhiên, kết quả triển khai của những chính sách này còn nhiều hạn chế. Tác động của nó đến tăng thu nhập

của người dân nông thôn thông qua việc làm còn ở mức khiêm tốn. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực này đứng cao thứ hai trong 6 vùng kinh tế của cả nước; thu nhập bình quân đầu người chỉ cao hơn vùng Trung du và miền núi phía Bắc (Mai Ngọc Anh, 2013). Nghiên cứu này, do đó, phân tích các yếu tố tác động đến biến đổi thu nhập nội sinh của hộ gia đình sống ở khu vực nông thôn thuộc khu vực Bắc Trung Bộ, từ đó đưa ra những khuyến nghị nhằm nâng cao thu nhập của những đối tượng này trong những năm tới.

2. Khung nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập nội sinh của hộ gia đình trong khu vực nông thôn

Hộ gia đình khu vực nông thôn, trước sức ép từ sự biến đổi xã hội, để tồn tại, không chỉ thực hiện các hoạt động nông nghiệp mà còn phải tiến hành các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp (Davis-Brown và Salamon, 1987). Nói cách khác, để bảo đảm tài chính chi tiêu cho đời sống thì người dân nông thôn tùy vào điều kiện, khả năng của mình có thể lựa chọn tham gia các hoạt động nông nghiệp, hay tham gia vào các hoạt động sản xuất (ngành nghề), kinh doanh và dịch vụ (Carter và Yao, 2002).

Nguồn nội sinh trong tổng thu nhập của hộ gia đình chính là nguồn tài chính mà hộ có được từ việc tham gia vào thị trường lao động của các thành viên gia đình làm việc tại địa phương (Mai Ngọc Anh và cộng sự, 2012). Các hộ gia đình tham gia vào các ngành nghề khác nhau, có các mức thu nhập khác nhau (Adams, 2001; Benjamin, 1992; De Brauw và cộng sự, 2002; De Brauw và Rozelle, 2008; Yu và Zhao, 2009). Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng thu nhập nội sinh của hộ gia đình không chỉ phụ thuộc vào số lao động, khả năng vay vốn mở rộng sản xuất kinh doanh, khả năng ứng dụng trình độ khoa học công nghệ, trình độ lao động mà còn phụ thuộc cả vào ngành nghề mà họ đang hoạt động (Getzner, 2002; Kim và cộng sự, 2012...).

Nghiên cứu này, do đó, tiến hành đánh giá sự khác biệt giữa các nhóm yếu tố về số lượng lao động (người), trình độ của chủ hộ (văn hoá), mức độ tín dụng (có vay hay không vay tài chính), trình độ ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất (mức độ từ 1 đến 5 về khả năng ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại vào hoạt động sản xuất), và cả yếu tố ngành nghề (loại hình nghề nghiệp của hộ) có ảnh hưởng đến mức độ thu nhập nội sinh của hộ gia đình trong khu vực nông thôn tại ba tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung Bộ thông qua bộ phiếu điều tra thực nghiệm. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở khách quan cho việc đưa ra những khuyến nghị nhằm nâng cao thu nhập

của hộ gia đình nông thôn ở khu vực này.

Các yếu tố về sức khỏe và thậm chí yếu tố về diện tích đất phục vụ sản xuất... sẽ không được đưa vào phân tích trong nghiên cứu này bởi (i) chăm sóc y tế cơ bản chỉ đảm bảo cho người dân phòng, chống được những bệnh thông thường, khi gặp những rủi ro về sức khỏe từ rủi ro vòng đời thì người ta phải cần tới y tế chuyên sâu. Điều trị những rủi ro sức khỏe này đôi khi người bệnh và gia đình họ phải tự trang trải dù có sở hữu thẻ bảo hiểm y tế. Những khuyến nghị để nâng cao tình trạng sức khỏe từ đó tạo điều kiện nâng cao thu nhập nhiều khả năng sẽ trở thành bài toán không có lời giải đối với chính quyền trung ương và địa phương; (ii) độ phì nhiêu của đất nông nghiệp giữa các vùng là khác nhau, thêm vào đó diện tích đất phục vụ cho hoạt động nông nghiệp đang ngày càng bị thu hẹp do quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa; việc sử dụng đất cho hoạt động kinh doanh dịch vụ hay sản xuất không chỉ phụ thuộc vào lĩnh vực hoạt động cũng như tư duy của người chủ. Chính vì thế, việc đo lường ảnh hưởng của diện tích đất phục vụ sản xuất đến thu nhập của hộ gia đình trong khu vực nông thôn sẽ gần như không có ý nghĩa trong việc đưa ra các khuyến nghị giải quyết tình trạng này.

Để thu thập dữ liệu về thu nhập của các hộ gia đình ở khu vực nông thôn, nghiên cứu này thiết kế các câu hỏi điều tra đối với 450 hộ gia đình ở khu vực nông thôn tại 3 tỉnh, với tỷ lệ tương đồng về tỷ lệ tại Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoá. Ở mỗi tỉnh, 50% phiếu điều tra được tập trung cho nhóm nông hộ (nhóm hộ chiếm tỷ lệ nhiều nhất trong khu vực nông thôn); 10% số phiếu điều tra tập trung vào các gia đình thuộc hộ hỗn hợp (nhóm hộ mà các thành viên trong gia đình (i) tham gia vào thị trường lao động chính thức, có hợp đồng lao động hay là công chức, viên chức và (ii) tham gia vào thị trường lao động phi chính thức chiếm tỷ lệ không nhiều trong khu vực này); 40% còn lại chia đều cho 2 nhóm hộ còn lại tại các tỉnh được điều tra. Các đối tượng được điều tra sẽ tự điền thông tin về thu nhập của gia đình với các nguồn hình thành từ hoạt động nông nghiệp, dịch vụ, sản xuất và các khoản thu khác.

Bên cạnh việc để cho các đối tượng tự điền, bộ phiếu điều tra còn sử dụng thang đo danh nghĩa (còn gọi là thang định danh hoặc thang phân loại) để thực hiện kiểm tra chéo giữa thu nhập thực tế của từng hộ với vị trí của hộ gia đình theo 5 nhóm phân vị: hộ giàu, hộ khá, hộ trung bình, hộ cận nghèo và hộ nghèo. Bộ phiếu điều tra cũng quan tâm đến việc xác định số nhân khẩu của từng hộ gia đình điều tra, bởi nó không chỉ giúp nhóm nghiên cứu xem xét

tình trạng lao động của từng hộ để biết xem mức độ thu nhập bình quân trong hộ có phản ánh đúng tình trạng kinh tế của hộ theo 5 nhóm phân vị thu nhập hay không.

Ngoài thông tin về nhân khẩu, thu nhập và ngành nghề của hộ, trình độ lao động của chủ hộ,... nghiên cứu còn tiến hành điều tra những nhận định của đối tượng điều tra về thực trạng hộ sử dụng công nghệ vào sản xuất, tiếp cận vốn vay, cũng như những đánh giá của nhóm đối tượng này đối với các biện pháp hỗ trợ các hộ ở khu vực nông thôn nâng cao thu nhập thông qua việc chuyển đổi nghề, tiếp cận tốt hơn tới thị trường lao động (tín dụng, đào tạo nghề...).

Những thông tin có được từ dữ liệu điều tra là cơ sở để nghiên cứu thực hiện phân tích hồi quy biến công cụ theo phương thức mà Quach và Mullineux (2007) đề xuất. Phương pháp hồi quy này cho biết các biến độc lập như số lao động, vay vốn, ngành nghề, trình độ khoa học công nghệ mà hộ ứng dụng vào sản xuất kinh doanh, trình độ lao động của chủ hộ... ảnh hưởng như thế nào đến tình trạng thu nhập của hộ được điều tra.

3. Kết quả và thảo luận

Kết quả phân tích mô hình hồi quy về sự ảnh hưởng của các biến số lượng lao động, vốn vay, ngành nghề, trình độ đào tạo đến thu nhập của hộ gia đình ở nông thôn khu vực Bắc Trung Bộ cho thấy:

(1) Hộ có đông lao động thì thu nhập có được sẽ cao hơn hộ có dưới 2 lao động ($P_value < 5\%$). Nói cách khác, thu nhập của các hộ trong khu vực nông thôn cao hay thấp phụ thuộc nhiều vào số lượng lao động của hộ tham gia vào thị trường lao động;

(2) Thực tế là việc vay mượn tiền cho hoạt động kinh doanh luôn tồn tại trong nền kinh tế, kể cả các hoạt động kinh tế ở khu vực nông thôn. Các gia đình nông dân có thể mua thức ăn chăn nuôi và đợi đến khi bán gia súc, gia cầm trong nhà mới trả nợ các chủ hàng bán thức ăn; các hộ ngành nghề cũng có thể nhập hàng và trả tiền cho nhà cung ứng sau khi đã tiêu thụ được sản phẩm... Thêm vào đó, số hộ có kê khai thực hiện hoạt động tín dụng chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ trong toàn bộ mẫu điều tra; dữ liệu điều tra cũng cho thấy, những hộ thực hiện hoạt động vay mượn chủ yếu là những hộ ở trong tình trạng kinh tế khó khăn, hoặc có tiến hành mua sắm tài sản hoặc sửa chữa lớn trong gia đình ở trong năm nghiên cứu. Chính vì thế, kết quả hồi quy thể hiện không có sự khác biệt về ảnh hưởng của việc các hộ có vay tiền hoặc không vay tiền đến biến đổi thu nhập của hộ gia đình trong khu vực nông thôn tại 3 tỉnh nghiên cứu ($P_value > 5\%$);

(3) Việt Nam là một quốc gia đang phát triển nên người dân thuộc khu vực nông thôn 3 tỉnh nghiên cứu thuộc khu vực Bắc Trung Bộ ít có điều kiện ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào quá trình sản xuất. Nói cách khác, công nghệ hiện nay được các hộ gia đình ở khu vực này sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày là lạc hậu, các hộ gia đình rất khó có thể tạo ra sự biến đổi lớn về thu nhập từ việc áp dụng những công nghệ mà họ đang sở hữu. Chính vì vậy, tác động của ứng dụng công nghệ hiện nay đến sự tăng lên về thu nhập của các hộ gia đình nông thôn các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh là không có ($P_value > 5\%$);

(4) Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong 4 ngành nghề mà người dân nông thôn thuộc khu vực điều tra đang tham gia trong quá trình phát triển xã hội, thì những hộ tham gia hoạt động dịch vụ có mức thu nhập cao nhất, còn hộ thuần nông có mức thu nhập thấp nhất. Nói cách khác, quá trình phát triển kinh tế khu vực nông thôn, nếu các gia đình có nguồn thu ngoài nông nghiệp cao hơn thì thu nhập của gia đình sẽ tăng lên và ngược lại ($P_value < 5\%$).

(5) Trình độ đào tạo (văn hóa) của chủ hộ có ảnh hưởng tích cực đến thu nhập của hộ ($P_value < 5\%$). Hộ có trình độ tối thiểu từ trung học phổ thông trở lên sẽ có được thu nhập cao hơn so với hộ có trình độ tối đa là trung học cơ sở.

Như vậy, để nâng cao thu nhập cho hộ gia đình ở khu vực nông thôn 3 tỉnh điều tra nói riêng, các tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung Bộ nói chung thì việc chuyển đổi ngành nghề cho các hộ gia đình theo hướng giảm tỷ trọng hộ làm nông nghiệp thuần túy, tăng tỷ trọng hộ tham gia các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp là điều thiết yếu. Quá trình chuyển đổi nghề muốn thực hiện thành công cần phải có sự hỗ trợ của chính quyền địa phương. Chính quyền địa phương trong giai đoạn tới không chỉ đảm bảo thực hiện thành công phổ cập trung học cơ sở mà cần có các biện pháp thúc đẩy người dân tham gia vào các cấp học cao hơn.

Mặc dù thời gian qua, chính quyền địa phương các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh đã ban hành nhiều nghị quyết, chính sách nhằm hỗ trợ các hộ gia đình nông thôn chuyển đổi nghề, với những dữ liệu được công bố từ Tổng cục thống kê về việc làm và thu nhập thì rõ ràng quá trình chuyển đổi nghề của các hộ gia đình trong khu vực này còn chậm, thu nhập và đời sống của người dân nông thôn khu vực này còn nhiều khó khăn.

Chính vì thế, chúng tôi cho rằng trong giai đoạn tới, chính quyền địa phương nên hướng đến việc hỗ trợ và đào tạo nghề để người dân kiếm thu nhập từ

Bảng 1: Kết quả hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình trong khu vực nông thôn tại 3 tỉnh điều tra thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

	Coef.	Std. Err.	t	P>t	[95% Conf.	Interval]
Số lao động						
1. Tối đa 2 lao động	1.00					
2. Tối thiểu 2 lao động	7.74	2.45***	3.15	0.00	2.91	12.58
Vay vốn						
1. Không đi vay	1.00					
2. Có đi vay	-3.29	5.44***	-0.60	0.55	-14.00	7.42
Ứng dụng công nghệ						
1. Công nghệ tự đánh giá lạc hậu	1.00					
2. Công nghệ tự đánh giá phù hợp	3.57	2.48***	1.44	0.15	-1.32	8.45
Ngành nghề của hộ						
1. Thuần nông	1.00					
2. Hộ ngành nghề	11.11	4.72***	2.35	0.02	1.81	20.41
3. Hộ dịch vụ	17.52	6.91***	2.53	0.01	3.92	31.13
4. Hộ hỗn hợp	13.04	3.49***	3.73	0.00	6.17	19.91
Trình độ đào tạo						
1. Tối đa Trung học cơ sở	1.00					
2. Tối thiểu Trung học phổ thông	5.51	2.62***	2.10	0.04	0.36	10.67
_cons	13.65	2.43***	5.61	0.00	8.87	18.43
Mean VIF	1.03					

Nguồn: Nguyễn Hoài Nam (2012)

hoạt động phi nông nghiệp nhiều hơn so với thu nhập từ hoạt động nông nghiệp. Quá trình này thực hiện tốt sẽ làm cho tỷ lệ hộ thực hiện nông nghiệp thuần túy giảm, tỷ lệ hộ hỗn hợp tăng lên.

Đối với vấn đề tín dụng, các chương trình tín dụng vi mô đã khẳng định được thành công nhất định trong việc đảm bảo cuộc sống cho những gia đình nghèo ở một số huyện nghèo. Thực tế chứng minh rằng, trong khu vực nông thôn, tình trạng vay nợ lòng vòng giữa các cá nhân, các hộ gia đình là điều không thể tránh khỏi. Khi các đối tượng này ở trong vòng luân chuyển của sự vay nợ, số tiền dôi dư cho phát triển sản xuất sẽ không có. Chính vì thế, việc chính quyền địa phương ở những tỉnh này cần xem xét, tạo điều kiện để các hộ thiếu vốn nhưng có

phương án sản xuất kinh doanh tốt có thể tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi của ngân hàng chính sách. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương cũng nên phối hợp với ngân hàng trong việc quản lý, theo dõi sát sao các hoạt động sản xuất kinh doanh của những hộ được tiếp cận tới nguồn vốn vay này nhằm hạn chế tình trạng sử dụng sai mục đích khoản vay.

Vấn đề số lượng lao động ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình trong khu vực nông thôn tại các tỉnh điều tra gợi mở suy nghĩ cần điều chỉnh chính sách dân số khi mà Việt Nam đang bước vào ngưỡng cửa già hóa dân số và tình trạng di cư nông thôn thành thị tìm việc làm ngày một gia tăng (Mai Ngọc Anh và Mai Ngọc Cường 2013). □

Tài liệu tham khảo

- Adams, R. (2001), 'Nonfarm income, inequality, and poverty in rural Egypt and Jordan'. *Policy Research Working Paper No. 2572*. The World Bank.
- Benjamin, D. (1992), 'Household composition, labour markets, and Labour demand: Testing for separation in agricultural household models'. *Econometrica*, Tập 60, số 2, trang 287 đến 322.
- Carter, M. và Yao, Y. (2002), 'Local versus global separability in agricultural household models: The factor price equalization effect of land transfer rights'. *American Journal of Agricultural Economics*, số 84, trang 702 đến 715.
- Davis-Brown, K. và Salamon, S. (1987), 'Farm families in crisis: an application of stress theory to farm family research'. *Family Relations*, Tập 36, số 4.

- De Brauw, A., Huang, J., Rozelle, S., Zhang, L và Zhang, Y. (2002), ‘The Evolution of China’s rural labor markets during the reforms’. *Journal of Comparative Economics*, Tập 30, số 2, trang 329 đến 353.
- De Brauw, A và Rozelle, S. (2008), ‘Migration and household investment in rural China’, *China Economic Review*, Số 19 (2008), trang 320 đến 335.
- Getzner, M. (2002), ‘The quantitative and qualitative impacts of clean technologies on employment’, *Journal of Cleaner Production*, Tập 10, số 4, trang 305 đến 319.
- Kim, I., Muntaner, C., Shahidi, F.V., Vives, A., Vanroelen, C. và Benach, J. (2012), ‘Welfare states, flexible employment, and health, A critical review’, *Health Policy*, Tập 104, số 2, trang 99 đến 127.
- Mai Ngọc Anh, Do Thi Hai Ha và Nguyen Thi Ngọc Huyen (2012), ‘Internal income of farmer households suffering economically social exclusion’, *Journal of Economics Development*, Số 14 kỳ 3 trang 63-87.
- Mai Ngọc Anh và Mai Ngọc Cường (2013), ‘Empirical research on incomes and spending status of farming households with migrant workers in some North-Central provinces of Vietnam’, *International Journal of Social Sciences & Interdisciplinary Research*, Số 2 kỳ 1, trang 26 đến 36.
- Yu, X. và Zhao, G. (2009), ‘Chinese agricultural development in 30 years: A literature review’. *Frontiers of Economics in China*, Số 4 kỳ 4, trang 633 đến 648.
- Quach, M.H. và Mullineux, A.W. (2007), “The Impact of Access to Credit on Household Welfare in Rural Vietnam”, *Research in Accounting in Emerging Economies*, Số 7, Trang 279 đến 307.
- Mai Ngọc Anh (2013), *Tách biệt xã hội về kinh tế đối với nông dân Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
- Nguyễn Hoài Nam (chưa công bố), ‘Chính sách việc làm cho lao động nông thôn trong bối cảnh di dân – Nghiên cứu tại một số tỉnh Bắc Trung Bộ’. Kết quả điều tra sơ cấp, luận án tiến sĩ, Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Ban chấp hành Trung ương khóa X (2008), Nghị quyết số 26-NQ/TW, về nông nghiệp, nông dân và nông thôn, ban hành ngày 5 tháng 8 năm 2008.
- Chính phủ (2008), Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP, ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, ban hành ngày 28 tháng 10 năm 2008.
- Thủ tướng Chính phủ (2009), Quyết định số 1956/QĐ-TTg, về Phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”, ban hành ngày 27 tháng 11 năm 2009.
- Thủ tướng Chính phủ (2010), Quyết định số 800/QĐ-TTg, về “Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020”, ban hành ngày 4 tháng 6 năm 2010.
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2010), Quyết định số 07/2010/QĐ-UBND, về “Ban hành quy định chính sách về bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh”, ban hành ngày 16 tháng 3 năm 2010.
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An (2010), Quyết định 3846/QĐ-UBND, về việc phê duyệt đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”, ban hành ngày 22 tháng 5 năm 2010.
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa (2010), Quyết định số 3906/QĐ-UBND, phê duyệt đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn Thanh Hóa đến năm 2020”, ban hành ngày 20 tháng 5 năm 2010.

Thông tin tác giả:

***Mai Ngọc Anh**, Tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Khoa học quản lý, trường đại học Kinh tế quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Giải quyết vấn đề xã hội trong quá trình phát triển kinh tế

- Một số tạp chí tiêu biểu đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Kinh tế và phát triển, Nghiên cứu kinh tế...*

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: maingocanh.ktqd@gmail.com

** **Hồ Đức Phốc**, Tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Tỉnh ủy Nghệ An

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: hoduiphoc@chinhphu.vn

*** **Nguyễn Hoài Nam**, Thạc sĩ, nghiên cứu sinh

- Tổ chức tác giả công tác: trường đại học Vinh

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: nguyenhoainamdhv@gmail.com